

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 03-3-2022
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Quốc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Lô;
2. Bà Nguyễn Thị Phúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Luyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

Ngày 03 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2022/TLST-HNGĐ, ngày 25 tháng 01 năm 2022, về việc: “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị U, sinh năm: 1974; Địa chỉ: ấp N, xã N, huyện T, tỉnh L (Có mặt).
2. Bị đơn: Ông Trần Minh H, sinh năm: 1972; Địa chỉ: ấp N, xã N, huyện T, tỉnh L (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện và những lời trình bày của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị U, như sau:

Bà và ông Trần Minh H tổ chức lễ cưới năm 1991 nhưng không có đăng ký kết hôn, Thời gian đầu sống với nhau hạnh phúc và có với nhau 03 con chung nhưng từ 2020 thì xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, tình cảm vợ chồng không còn.

Nay xét tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Trần Minh H.

Vợ chồng có 03 con chung tên Trần Thị Trúc L, sinh năm: 1994, Trần Thị Diệu H, sinh năm: 1997 và Trần Thị Cẩm T, sinh năm: 2000. Hiện các con đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn, ông Trần Minh H, trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà U về việc ông và bà chung sống với nhau từ năm 1991 nhưng không có đăng ký kết hôn. Nay bà U yêu cầu ly hôn, ông cũng đồng ý ly hôn.

Vợ chồng có 03 người con như bà U trình bày là đúng. Hiện các con đã trưởng thành nên ông cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên ông cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Các đương sự trình bày đã cung cấp đủ các chứng cứ, không cung cấp chứng cứ gì thêm đồng thời vẫn giữ ý kiến và yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị U yêu cầu ly hôn với ông Trần Minh H là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Do ông H có địa chỉ tại huyện Tân Trụ, tỉnh Long An nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bà Nguyễn Thị U ông Trần Minh H có tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1991 nhưng không có đăng ký kết hôn. Nay bà U và ông H đều xác nhận vợ chồng không hạnh phúc yêu cầu Tòa án cho ly hôn. Do bà U và ông Hùng chung sống như vợ chồng từ năm 1991, tức sau ngày 03/01/1987 nhưng không đăng ký kết hôn và đến nay bà U và ông H vẫn chưa tiến hành đăng ký kết hôn. Do đó căn cứ vào điểm c, mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và khoản 1 Điều 14; Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị U và ông Trần Minh H.

[3] Về con chung: 03 người con của bà U và ông H tên Trần Thị Trúc L, sinh năm: 1994, Trần Thị Diệu H, sinh năm: 1997 và Trần Thị Cẩm T, sinh

năm: 2000 đều đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về con chung.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ trả nợ: Bà Nguyễn Thị U và ông Trần Minh H xác định không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu. Do đó Hội đồng xét xử cũng không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị U phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; 39; 147; 266, 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 14, các Điều 51; 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị U.

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị U với ông Trần Minh H.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị U phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được khấu trừ 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 7145, ngày 25/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ. Bà U đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Trụ;
- CC THA DS huyện Tân Trụ;
- Các đương sự.
- Lưu./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Quốc Dũng